TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G C** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2024/HS-ST
Ngày: 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hùng, ông Trần Công Mẫn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

Trần Minh H, sinh ngày 22 tháng 06 năm 1991 tại huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang(tên gọi khác Ní).

Số chứng minh nhân dân: 312197600, cấp ngày 22/10/2008. Nơi cấp Công an tỉnh Tiền Giang.

Nơi đăng ký thường trú và chổ ở: ấp B N, xã B Ph, huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh S, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1956(chết năm 2022); bị cáo là con thứ hai trong gia đình, có 03 người anh, em (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996). Bị cáo chưa có vợ, con.

Năm 2011, bị can bị Tòa án nhân dân huyện C Gi, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), theo Bản án số 66/2011/HS-ST ngày 30/8/2011; chấp hành xong án phạt tù tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Long An vào ngày 09/4/2012; đã được xóa án tích.

- Năm 2014, bị can bị Tòa án nhân dân huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), theo Bản án số 25/2014/HS-ST ngày 28/8/2014; đã chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Cao Lãnh - Bộ Công an vào ngày 22/5/2015; đã được xóa án tích.

- Năm 2020, bị can bị Tòa án nhân dân huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 12/QĐ-TA ngày 21/01/2020; đã chấp hành xong ngày 01/8/2021.

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 14/9/2023, tạm giam từ ngày 20/9/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an thị xã G C theo Quyết định gia hạn thời hạn tạm giam để truy tố số 04/QĐ-VKS-HS ngày 23/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1997 tại huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số căn cước công dân: 082097009891, ngày cấp: 09/7/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú và chổ ở: ấp Th Ph xã Đ Th, huyện G C Tây, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971(chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình, có 01 người chị sinh năm 1995. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giam từ ngày 27/11/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an thị xã G C theo Quyết định gia hạn thời hạn tạm giam để truy tố số 03/QĐ-VKS-HS ngày 23/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến: Nguyễn Phước Chung, sinh năm 1968(xin vắng mặt)

Địa chỉ: kh ph 4, P 5, thị xã G C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh H (tên gọi khác: Ní) bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2014, Nguyễn Văn Đ bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy từ khoảng đầu năm 2023; loại ma túy mà cả hai thường sử dụng là Methamphetamine (tên gọi khác: "ma túy đá").

Vào chiều ngày 14/9/2023, H ở cùng với Đ tại nhà trọ tọa lạc tại P 5, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang, H rủ Đ đến Nhà nghỉ "T" (địa chỉ: Kh ph 4, P 5, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang) thuê phòng để mua ma túy về sử dụng chung, thì Đ đồng ý. H điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B5-565.11 của Đ chở Đ đến Nhà nghỉ "T"; Đ liên hệ lấy phòng số 203, H đứng bên ngoài nhà xe của nhà nghỉ ngồi chờ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ ra nhà xe đưa cho H số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, kêu H đi mua ma túy về sử dụng, số tiền còn lại thì trả tiền sửa xe và mua đồ ăn. Trong thời gian chờ đợi H đi mua ma túy, Đ lên phòng số 203 nằm nghỉ.

H điều khiển xe mô tô 63B5-565.11 đến gần khu vực A Tr Đ - thị xã G C liên lạc với người tên thường gọi là Ph để mua 01 (một) gói ma túy với giá 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng. Sau khi có được ma túy, H bỏ gói ma túy vào túi áo phía trước bên phải đang mặc trên người rồi điều khiển xe 63B5-565.11 quay về Nhà nghỉ "T".

Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng phối hợp gồm: Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC08) - Công an tỉnh Tiền Giang, Đội đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm - Bộ đội Biên phòng tỉnh Tiền Giang, Công an thị xã G C và Công an P 5 - thị xã G C, khi tuần tra trên đường Thủ Khoa Huân đoạn gần đầu hẻm rẽ vào Nhà nghỉ "T" thuộc Kh ph 4, P 5, thị xã G C thì phát hiện Trần Minh H có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành chặn dừng để kiểm tra. Kết quả kiểm tra phát hiện trong túi áo phía trước bên phải H đang mặc có 01(một) gói ny-lon bên trong có chứa chất nghi là ma túy. Theo trình bày của H, bên trong gói ny-lon này là ma túy "đá". Nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng, đồ vật liên quan; sau đó bàn giao đối tượng và tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã G C.

Vật chứng, đồ vật liên quan thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- 01(một) gói ny-lon màu trắng, hàn kín, có viền đỏ bên trong có chứa nhiều tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong vào bì thư được dán kín, có chữ ký xác nhận: Nguyễn Duy M, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Phước Ch (người chứng kiến), Trần Minh H (người bị bắt) và dấu mộc đỏ ghi: CÔNG AN P 5 - CÔNG AN THỊ XÃ G C - TỈNH TIỀN GIANG

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B5-565.11 nhãn hiệu "Yamaha", không kiểm tra tình trạng bên trong xe.

- 01 (một) điện thoại di động loại "OPPO" màu đồng, số IMEI: 869686032170595, gắn sim số:0971779032, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Đến ngày 27/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã G C thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn Đ; tạm giữ của Đ: 01 (một) điện thoại di động kiểu "OPPO A15" màu xanh - đen, số IMEI: 8698680506940017, lắp sim số: 0568007538, tình trạng máy đã qua sử dụng.

Kết luận giám định số 168/KL-KTHS ngày 16/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang xác định chất ma túy thu giữ của Trần Minh H như sau:

Các mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng **3,4329** (ba phẩy bốn ba hai chín) gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã G C đã truy tố các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Văn Đ, về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự năm 2015(được sửa đổi bổ sung năm 2017).

*Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Văn Đ về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội: "Tàng Trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Trần Minh H từ 02(hai) năm đến 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giạm trước từ ngày 14/9/2023.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: "Tàng Trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015(được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giạm trước từ ngày 27/11/2023.

- *Về vật chứng:*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy:

Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 3,3836 gam, được niêm phong trong 01 (một) bì thư ký hiệu vụ số 168 ghi ngày 16/9/2023;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B5-565.11 nhãn hiệu "Yamaha": Xe do Nguyễn Văn Đ sở hữu, đứng trên trên giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 (một) điện thoại di động loại "OPPO" màu đồng thu giữ của H, H sử dụng để liên lạc để mua ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động kiểu "OPPO A15" màu xanh - đen thu giữ của Đ, Đ không sử dụng điện thoại này để liên lạc mua ma túy, hay rủ rê H mua và sử dụng ma túy. Nên điện thoại OPPO A15 không phải là phương tiện phạm tội, nên trả lại cho Nguyễn Văn Đ.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị cáo H nói lời nói sau cùng: bị cáo thấy hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị Cáo Đ nói lời nói sau cùng: bị cáo thấy hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã G C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, dữ liệu điện tử, kết luận giám định ma túy. Tại phiên tòa đã làm rõ: Hai bị cáo trước đó đã từng sử dụng ma túy, nên Trần Minh H rủ Đ thuê phòng nghỉ tại "T"để sử dụng ma túy, được Đ đồng ý và đưa tiền cho H, đưa xe mô tô cho H làm phương tiện đi mua ma túy; Trần Minh H trực tiếp mua ma túy mang về điểm hẹn với Đ, trên đường về phòng nghỉ "T" thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện và bắt quả tang. Vật chứng được thu giữ và niêm phong theo quy định trong quá trình bắt quả tang. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng và đã nhận thức được hành vi của mình là cố ý vi phạm pháp luật.

Theo kết luận giám định số 168/KL-KTHS ngày 16/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận số ma túy mà H và Đ đã tàng trữ có khối lượng 3,4329 gam, loại Methamphetamine.

Với khối lượng ma túy mà các bị cáo tàng trữ như trên có đủ căn cứ để xác định Trần Minh H và Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C đã truy tố các bị cáo Trần Minh H và Nguyễn Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ ma túy là chất bị Nhà nước cấm lưu hành, bởi tác hại nguy hiểm của nó đối với bản thân người sử dụng và đối với sinh hoạt chung của xã hội, nhất là trong tình hình hiện nay tệ nạn ma túy đang gây ra rất nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Song vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thức hiện hành vi phạm tội tàng trữ ma túy. Do đó các bị cáo phải

chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình. Theo Điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

Điều 249 Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

…

c/ Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam."

Với tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội đã nói trên nên cần thiết xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm đấu tranh và phòng ngừa chung.

Xét về vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án: Trần Minh H và Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", do cả hai cùng thống nhất việc mua ma túy về để sử dụng chung, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ từ trước. Hai bị cáo có vai trò đồng phạm ngang nhau, H là người rủ rê và là người thực hành nên bị cáo H phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình; Đ là người giúp sức một cách tích cực đưa xe và tiền của Đ để cho H đi mua ma túy nên vai trò đồng phạm giúp sức của Đ nỗi bật, bị cáo Đ có trình độ văn hóa lớp 7 mức độ nhận thức cao hơn H, Đ có nhân thân tốt, nhưng hành vi phạm tội của Đ có vai trò nỗi bật nên Nguyễn Văn Đ phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[2.3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo, bị cáo Trần Minh H có nhân thân xấu đã từng bị kết án (Năm 2011, năm 2014 về "Tội trộm cắp tài sản" đã được xóa án tích). Năm 2020, bị cáo bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số 12/QĐ-TA ngày 21/01/2020; đã chấp hành xong ngày 01/8/2021. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu. Các bị cáo đã tỏ thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[2.4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[2.5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, xét đề nghị về từng mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C đối với các bị cáo là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.6] Đối với đối tượng Ph, H không biết rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của đối tượng này; kết quả kiểm tra điện thoại di động của H không phát hiện được chứng cứ. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã G C không đủ cơ sở để xác minh, làm việc; tách riêng đối tượng Ph để tiếp tục theo dõi, xác minh, khi có căn cứ thì xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hiện nay các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.7] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 3,3836 gam loại (Methamphetamine), được niêm phong trong 01 (một) bì thư ký hiệu vụ số 168 ghi ngày 16/9/2023, có các chữ ký in họ tên: Nguyễn Thị Kiều Linh(giám định viên), Trần Thanh Dũng (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Tạ Tịnh Nhân (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng Kỹ thuật Hình Sự - Công An tỉnh Tiền Giang.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B5-565.11 nhãn hiệu "Yamaha": Xe do Nguyễn Văn Đ sở hữu, đứng trên trên giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 (một) điện thoại di động loại "OPPO" màu đồng thu giữ của H, H sử dụng để liên lạc để mua ma túy;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) điện thoại di động kiểu "OPPO A15" màu xanh.

Theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 ngày 23 tháng 4 năm 2024 *giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G C với Chi cục thi hành án dân sự thị xã G C*).

Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu ghi lời khai Nguyễn Văn Đ ngày 27/11/2023 cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát như phân tích trên là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017,) điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 Bộ Luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017)

-Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Trần Minh H **02(**hai) năm **06**(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là từ ngày 14/9/2023.

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **02(**hai)năm **06**(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là từ ngày 27/11/2023.

2.Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

*Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 3,3836 gam loại (Methamphetamine), được niêm phong trong 01 (một) bì thư ký hiệu vụ số 168 ghi ngày 16/9/2023, có các chữ ký in họ tên: Nguyễn Thị Kiều Linh(giám định viên), Trần Thanh Dũng (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Tạ Tịnh Nhân (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng Kỹ thuật Hình Sự - Công An tỉnh Tiền Giang.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B5-565.11 nhãn hiệu "Yamaha": Xe do Nguyễn Văn Đ sở hữu, đứng trên trên giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 (một) điện thoại di động loại "OPPO" màu đồng thu giữ của H, H sử dụng để liên lạc để mua ma túy;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) điện thoại di động kiểu "OPPO A15" màu xanh.

Theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 ngày 23 tháng 4 năm 2024 *giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G C với Chi cục thi hành án dân sự thị xã G C*).

Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu ghi lời khai Nguyễn Văn Đ ngày 27/11/2023 cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/**Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có được quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Mẫn **Phan Văn Hùng** **Trần Thị An Thư**